

Thông tin công ty

TÊN CÔNG TY

POCD CONSULTING
CORPORATION

ID DOANH NGHIỆP

0313994007

QUỐC GIA

Việt Nam

NGÀNH VĨ MÔ

Nông nghiệp

QUY MÔ CÔNG TY

Lớn

LOẠI CÔNG TY

Công ty

ĐỊA CHỈ EMAIL

linh.le@pocd.vn

TÊN

Linh

HỌ

Le

ĐIỆN THOẠI CÔNG
TY

02866701666

VAI TRÒ CÔNG VIỆC

CEO

POCD CONSULTING CORPORATION

0313994007

Khảo sát ESG

TUYÊN BỐ SỬ DỤNG

○ Công ty đã báo cáo thông tin được đề cập trong Bản phương án các tiêu chuẩn của GRI liên quan đến kỳ báo cáo sau đây. Vui lòng cho biết thời gian cung cấp dữ liệu và thông tin của bạn (ví dụ ngày 1 tháng 4 năm 2023 – 31 tháng 3 năm 2024).

Ngày	Giá trị (NGÀY/THÁNG/NĂM)
Bắt đầu thời hạn	
Kết thúc thời hạn	

KINH DOANH

1.1.1 Bạn có cân nhắc tác động xã hội và môi trường trong số các yếu tố rủi ro doanh nghiệp không? – GRI 1 / ERS2 SBM-3

- ☐ Có, chúng tôi có hệ thống Quản lý Rủi ro Doanh nghiệp, bao gồm các rủi ro về môi trường và xã hội
- ☐ Có, chúng tôi quản lý rủi ro theo các quy định hiện hành
- ☐ Không

1.1.2 Bạn có thực hiện các sáng kiến bền vững và / hoặc có sứ mệnh / chiến lược phát triển bền vững được chính thức hóa để quản lý tác động kinh tế, xã hội và môi trường từ các hoạt động của mình không? – GRI 1, 2-22 / ERS2 SBM-3, IRO-1

- ☐ Có, sứ mệnh của chúng tôi cân nhắc các yếu tố môi trường và xã hội và do đó có tính đến các yếu tố này trong chiến lược dài hạn
- ☐ Có, chúng tôi đã xác định một chiến lược bền vững lồng ghép trong chiến lược công ty
- ☐ Có, chúng tôi thực hiện các sáng kiến bền vững trong ngắn hạn dựa vào các chính sách khuyến khích công
- ☐ Không

1.1.3 Bạn có giám sát hiệu quả hoạt động bền vững của mình bằng các chỉ số định lượng cụ thể / thích hợp không? – GRI 1, 3-1 / ERS2 SBM-3, IRO-1

- ☐ Có, chúng tôi giám sát hiệu quả môi trường của mình
- ☐ Có, chúng tôi theo dõi hiệu quả quản lý nhân viên của mình
- ☐ Không

1.1.4 Bạn có công bố kết quả bền vững về môi trường và xã hội của mình trong một báo cáo cụ thể không? – GRI 1, 2-3, 2-4, 2-22 / ESRS2 BP-1, BP-2, IRO-2

- ☐ Có
- ☐ Không

1.1.5 Bạn có thực hiện các hoạt động của mình theo các hệ thống quản lý cụ thể không? – GRI 2-12, 2-29, 3-2, 3-3 / SDG 16 / ESRS2 SBM-3, IRO-1

- ☐ Có, chúng tôi áp dụng hệ thống quản lý môi trường
- ☐ Có, chúng tôi áp dụng hệ thống quản lý năng lượng
- ☐ Có, chúng tôi áp dụng một hệ thống quản lý sức khỏe và an toàn cho nhân viên của chúng tôi
- ☐ Có, chúng tôi áp dụng một hệ thống để quản lý và phòng ngừa tham nhũng
- ☐ Có, chúng tôi áp dụng một hệ thống để quản lý mối quan hệ với nhà cung cấp
- ☐ Không

1.1.6 Công ty bạn có chứng nhận của bên thứ ba được quốc gia hoặc quốc tế công nhận về:

- ☐ Môi trường
- ☐ Năng lượng
- ☐ Sức khỏe và an toàn cho nhân viên
- ☐ Chất lượng sản phẩm / dịch vụ
- ☐ Không
- ☐ Khác, ghi rõ

MÔI TRƯỜNG - NƯỚC, NĂNG LƯỢNG VÀ CHẤT THẢI

2.1.1 Điện năng tiêu thụ tại mặt bằng sở hữu và đi thuê (từ ngày 01/01 đến ngày 31/12). – GRI 302-1 / SDGs 7, 8, 12, 13 / ESRS E1-5

2.1.2 Bạn có hợp đồng cấp điện hoàn toàn bằng các nguồn tái tạo không: – SDGs 7, 8, 12, 13 / ESRS E1-5

- ☐ Có
- ☐ Không

2.1.3 Bạn có cơ sở/nhà máy sản xuất năng lượng tái tạo không:

- ☐ Có

☐ Không

2.1.4 Bạn đã từng áp dụng bất kỳ biện pháp tiết kiệm năng lượng nào chưa? – GRI 302-4 / SDGs 7, 8, 12, 14 / ESRs E1-5

☐ Có
☐ Không

2.1.6 Bạn có đo lường phát thải khí thải nhà kính không? – GRI 305-1, 305-2, 305-3 / SDGs 13, 14, 15 / ESRs E1-6 / VSME ED B3

☐ Có
☐ Không

2.1.10 Tổ chức của bạn có giảm phát thải khí nhà kính so với năm trước không? Nếu có thì là bao nhiêu phần trăm? – GRI 305-5 / SDGs 13, 14, 15 / ESRs E1-7

2.1.11 Bạn có đo lường Dấu chân cacbon của một số hoặc tất cả các sản phẩm của mình không?

☐ Có
☐ Không

2.1.12 Số xe thuộc sở hữu của công ty (số): – GRI 305-1 / SDGs 3, 12, 13, 14, 15 / ESRs E1-6

Chạy bằng	Số xe
Khí thiên nhiên	
Diesel	
Xăng	
Lai (Hybrids)	
Điện	
Các nguồn điện khác	

2.1.13 Tổng lượng chất thải được tạo ra (tấn): – GRI 306-2 / SDGs 3, 6, 12 / ESRs E5-5

2.1.14 Bạn có khuyến khích phân loại chất thải tại các cơ sở của mình không? – GRI 306-2 / SDGs 3, 6, 12 / ESRs E5-1

☐ Có

☐ Không

2.1.15 Lượng nước tiêu thụ (m³): – GRI 303-5 / SDG 6 / ESRS E3-4

2.1.16 Bạn có khuyến khích nhân viên sử dụng phương tiện giao thông công cộng hoặc phương tiện thân thiện với môi trường để đi làm việc không?

☐ Có
☐ Không

MÔI TRƯỜNG - CHỨNG NHẬN MÔI TRƯỜNG

2.2.1 Bạn có tuân thủ các tiêu chuẩn ISO 14001 về quản lý môi trường không? – GRI 307-1 / SDG 16

☐ Có
☐ Không

2.2.2 Bạn có tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế khác về quản lý môi trường không? Nếu Có, vui lòng cung cấp thông tin này.

- ☐ Đánh giá vòng đời
- ☐ Dấu chân carbon
- ☐ Dấu chân nước
- ☐ Tuyên bố sản phẩm môi trường
- ☐ Đăng ký EMAS (dành cho các công ty hoạt động ở EU)
- ☐ Không có mục nào nêu trên
- ☐ Khác, ghi rõ

2.2.3 Bạn đã đạt được chứng nhận ISO 50001 về hệ thống quản lý năng lượng chưa? – GRI 302 / SDGs 7, 9, 11, 12, 13

☐ Có
☐ Không

XÃ HỘI - QUẢN LÝ NHÂN SỰ

3.1.1.1 Số lượng lao động (bao gồm cả người học nghề) theo giới tính và loại hình nghề nghiệp (NỮ): – GRI 2-7-a, 405-1 / SDGs 5, 8, 10 / ESRS S1-6, S1-9

Nhân viên	Số
Số lượng Giám đốc	

Số lượng Quản lý	
Số lượng nhân viên văn phòng	
Số lượng nhân viên	
Số lượng người học việc	

3.1.1.2 Số lượng lao động (bao gồm cả người học nghề) theo giới tính và loại hình nghề nghiệp (NAM): – GRI 2-7-a, 405-1 / SDGs 5, 8, 10 / ESRs S1-6, S1-9

Nhân viên	Số
Số lượng Giám đốc	
Số lượng Quản lý	
Số lượng nhân viên văn phòng	
Số lượng nhân viên	
Số lượng người học việc	

3.1.2.1 Chênh lệch tiền công/tiền lương trung bình giữa nam và nữ (%): – GRI 405-2 / SDGs 5, 8 / ESRs S1-16

3.1.2.2 Mức tiền công/tiền lương trung bình theo giới tính được gọi là nhóm nghề nghiệp đại diện nhất: – GRI 405-2 / SDGs 5, 8 / ESRs S1-16

Giới tính	Mức lương trung bình (tính theo EUR/USD/nội tệ)
Nữ	
Nam	

3.1.3 Tuổi trung bình của nhân viên: – GRI 405-1 / SDGs 5, 8 / ESRs S1-6, S1-9

- ☐ Dưới 30 tuổi
- ☐ Từ 30 đến 50 tuổi
- ☐ Trên 50 tuổi

3.1.4 Tỷ lệ (trên tổng số nhân viên) với hợp đồng có thời hạn: – GRI 2-7-b / SDGs 8, 10 / ESRs S1-6, S1-9

3.1.5 Tỷ lệ (trên tổng số nhân viên) với hợp đồng bán thời gian: – GRI 2-7-b / SDGs 8, 10 / ESRs S1-6, S1-9

3.1.6 Tỷ lệ (trên tổng số nhân viên) bắt đầu học việc vào năm ngoài: – GRI 2-7-b / SDGs 8, 10 / ESRs S1-6, S1-9

3.1.7 Tỷ lệ (trên tổng số nhân viên) bị khuyết tật: – GRI 405-1 / SDGs 8, 10 / ESRs S1-6, S1-9, S1-12

3.1.8.1 Số vụ tai nạn lao động trong 3 năm làm việc trước (năm hiện tại): – GRI 403-9 / SDGs 3, 8 / ESRs S1-14

- ☐ Dưới 3
- ☐ Từ 4 đến 9
- ☐ 10 trở lên

3.1.8.2 Số vụ tai nạn lao động trong 3 năm làm việc trước (năm hiện tại - 1): – GRI 403-9 / SDGs 3, 8 / ESRs S1-14

- ☐ Dưới 3
- ☐ Từ 4 đến 9
- ☐ 10 trở lên

3.1.8.3 Số vụ tai nạn lao động trong 3 năm làm việc trước (năm hiện tại - 2): – GRI 403-9 / SDGs 3, 8 / ESRs S1-14

- ☐ Dưới 3
- ☐ Từ 4 đến 9
- ☐ 10 trở lên

3.1.9.1 Số ngày làm việc bị mất do tai nạn lao động (gây mất khả năng lao động tạm thời) trong 3 năm làm việc trước (năm hiện tại): – ESRs S1-14

- ☐ Dưới 10
- ☐ Từ 11 đến 49
- ☐ 50 trở lên

3.1.9.2 Số ngày làm việc bị mất do tai nạn lao động (gây mất khả năng lao động tạm thời) trong 3 năm làm việc trước (năm hiện tại - 1): – ESRs S1-14

- ☐ Dưới 10

- ☐ Từ 11 đến 49
- ☐ 50 trở lên

3.1.9.3 Số ngày làm việc bị mất do tai nạn lao động (gây mất khả năng lao động tạm thời) trong 3 năm làm việc trước (năm hiện tại - 2): – ESRS S1-14

- ☐ Dưới 10
- ☐ Từ 11 đến 49
- ☐ 50 trở lên

3.1.10 Tổng số giờ làm việc trong năm qua của tất cả nhân viên.

3.1.11 Có trường hợp tử vong nào tại công ty trong 3 năm qua không? – GRI 403-9 / SDGs 3, 8 / ESRS S1-14

- ☐ Có
- ☐ Không

3.1.12 Thôi việc (số lượng nhân viên mới trừ đi số lượng nghỉ việc) trong năm qua: – GRI 401-1 / SDGs 8, 10

3.1.13 Tỷ lệ tổng số người lao động tham gia thỏa ước lao động tập thể: – GRI 2-30-a / SDG 8 / ESRS S1-8

- ☐ Dưới 75%
- ☐ Từ 75% đến 95%
- ☐ Trên 95%

3.1.14 Bạn có công bố trên trang web của mình chính sách Bình đẳng, Đa dạng và Hòa nhập (bao gồm phân biệt đối xử dựa trên giới tính, chủng tộc, tôn giáo, giới tính hoặc khuynh hướng tình dục) không? – SDGs 5, 10

- ☐ Có
- ☐ Không

3.1.15 Số giờ đào tạo công ty cung cấp trong năm: – GRI 404-1 / SDGs 4, 5, 8, 10 / ESRS S1-13

3.1.16 Vui lòng chọn các chủ đề chính của khóa đào tạo được cung cấp trong năm: – GRI 404-1 / SDGs 4, 5, 8, 10 / ESRS S1-13

- ☐ Chăm sóc sức khỏe và an toàn nơi làm việc – GRI 403-5
- ☐ Chống tham nhũng – GRI 205-2
- ☐ Quyền riêng tư (ví dụ: GDPR, Luật và Đạo luật về bảo vệ dữ liệu)
- ☐ Các vấn đề về môi trường (ví dụ như quản lý chất thải và nước, sử dụng năng lượng hiệu quả, v.v.)

- ☐ Không có mục nào nêu trên
- ☐ Khác, ghi rõ

3.1.17 Phúc lợi công ty: – GRI 401-2 / SDGs 3, 5, 8 / ESRS S1-11, S1-14, S1-15

- ☐ Tiền thưởng sản xuất
- ☐ Chính sách bảo hiểm nhân thọ/tai nạn
- ☐ Chính sách bảo hiểm trách nhiệm xe ô tô cho người lao động
- ☐ Số giờ làm việc linh hoạt/làm việc từ xa
- ☐ Thỏa thuận với các doanh nghiệp địa phương (phiếu mua nhiên liệu/phiếu mua hàng siêu thị/chiết khấu)
- ☐ Danh mục phúc lợi (chi phí giáo dục/hỗ trợ chăm sóc trẻ em/chăm sóc sức khỏe)
- ☐ Cơ sở gia đình (nhà trẻ/trại hè/học bổng)
- ☐ Cán bộ phúc lợi
- ☐ Không có mục nào nêu trên
- ☐ Khác, ghi rõ

3.1.18 Bạn có đo lường mức độ hài lòng của nhân viên bằng khảo sát định kỳ không?

- ☐ Có
- ☐ Không

XÃ HỘI - CHỨNG NHẬN VÀ QUY ĐỊNH

3.2.1 Bạn có tuân thủ tiêu chuẩn UNI EN ISO 45001 về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp của nhân viên không? – GRI 403-6 / SDG 3

- ☐ Có
- ☐ Không

3.2.2 Bạn có tuân thủ các hướng dẫn ISO 26000 về trách nhiệm xã hội không?

- ☐ Có
- ☐ Không

XÃ HỘI - MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

3.3.1 Bạn có áp dụng hệ thống đánh giá nhà cung cấp không? – GRI 204-1, 414-1 / SDGs 5, 8, 16 / ESRS G1-2

- ☐ Có
- ☐ Không

3.3.2 Bạn có các chính sách về Nhân quyền và Lao động trẻ em (bắt buộc hoặc cưỡng bức) không? – SDG 8

- ☐ Có, chúng tôi công bố chính sách trên trang web của chúng tôi
- ☐ Có, chúng tôi có các chính sách nội bộ
- ☐ Không

XÃ HỘI - GẮN KẾT CỘNG ĐỒNG

3.4.1 Có bất kỳ dự án từ thiện, trường học hoặc cộng đồng nào khác trong những năm qua không? – GRI 203-1 / SDGs 5, 9, 11 / ESRs S3-1, S3-2

- ☐ Có
- ☐ Không

3.4.2 Bạn có quyền góp tiền vì lợi ích cộng đồng trong khu vực mà bạn hoạt động không? – GRI 203-1 / SDGs 5, 9, 11

- ☐ Có
- ☐ Không

QUẢN TRỊ - CƠ CẤU VÀ THÀNH PHẦN CỦA BỘ MÁY QUẢN TRỊ CÔNG TY

4.1.1 Bộ máy quản trị công ty: – GRI 2-9-a / SDGs 5, 16 / ESRs2 GOV-1

- ☐ Hội đồng quản trị
- ☐ Giám đốc duy nhất/Giám đốc điều hành
- ☐ Loại hình bộ máy quản trị công ty

4.1.4 Tỷ lệ phụ nữ trong Bộ máy quản trị Công ty: – GRI 2-9-c / SDGs 5, 16 / ESRs2 GOV-1

- ☐ Dưới 33%
- ☐ Từ 33% đến 50%
- ☐ Trên 50%
- ☐ Giám đốc nữ duy nhất

4.1.5 Tuổi trung bình của Bộ máy quản trị công ty: – GRI 405-1 / SDGs 5, 16 / ESRs2 GOV-1

- ☐ Dưới 30 tuổi
- ☐ Từ 30 đến 50 tuổi
- ☐ Trên 50 tuổi

4.1.6 Bạn có báo cáo tài chính đã được kiểm toán không?

- ☐ Có

☐ Không

4.1.7 Bạn có phải là thành viên của bất kỳ hiệp hội thương mại nào không?

☐ Có
☐ Không

4.1.8 Bạn có kiểm soát nội bộ không?

- ☐ Có, chúng tôi có Bộ phận Kiểm toán Nội bộ
- ☐ Có, chúng tôi có Bộ phận Quản lý Rủi ro
- ☐ Có, chúng tôi có Bộ phận Quản lý Tuân thủ
- ☐ Không có mục nào nêu trên
- ☐ Khác, ghi rõ

QUẢN TRỊ - CHỨNG NHẬN VÀ QUY ĐỊNH

4.2.1 Bạn có Quy tắc ứng xử hoặc quy tắc đạo đức khác về các vấn đề bền vững không? – GRI 2-23 / SDG 16 / ESR2 MDR-P

☐ Có
☐ Không

4.2.2 Bạn có chuyên gia về bền vững tận tâm (tức là người thúc đẩy các chính sách và chiến lược bền vững) không?

☐ Có
☐ Không

4.2.3 Bạn có tuân thủ ISO 9001 (Hệ thống quản lý chất lượng) không?

☐ Có
☐ Không

4.2.4 Bạn đã đạt được chứng nhận ISO 37001 về hệ thống quản lý chống hối lộ chưa? – SDG 16

☐ Có
☐ Không

4.2.5 Bạn có Chính sách Bảo mật và Quyền riêng tư Dữ liệu không? – GRI 418

☐ Có
☐ Không

Nông nghiệp (Giống cây trồng)

KINH DOANH

5.1 Bạn tham gia vào loại hình sản xuất nào?

- ☐ Ngũ cốc
- ☐ Lúa
- ☐ Cây họ đậu
- ☐ Hạt có dầu
- ☐ Rau
- ☐ Trái cây (bao gồm trái cây nhiệt đới, quả mọng và các loại quả hạch)
- ☐ Nho (không phải nho để bàn)
- ☐ Hoa
- ☐ Cỏ cho gia súc
- ☐ Thuốc lá
- ☐ Cây sản xuất đường (củ cải đường / mía)
- ☐ Cây lấy sợi dệt
- ☐ Các loại cây lâu năm khác (ví dụ: cây linh sam dùng làm cây thông Noel)
- ☐ Khác, vui lòng ghi rõ

5.2 Ghi rõ diện tích sản xuất nông nghiệp tính bằng ha.

5.3 Doanh số bán hàng của bạn chủ yếu thuộc:

- ☐ Công nghiệp
- ☐ GDO (phân phối có tổ chức quy mô lớn)
- ☐ Nhà bán sỉ
- ☐ Nhà bán lẻ
- ☐ Bán hàng trực tiếp
- ☐ Khác, vui lòng ghi rõ

5.4 Thị trường mục tiêu chính của bạn là:

- ☐ Địa phương
- ☐ Trong nước
- ☐ Nước ngoài
- ☐ Khác, vui lòng ghi rõ

5.5 Bạn có đạt được chứng nhận nào cho sản phẩm hoặc quy trình của mình không?

- ☐ Chứng nhận bộ tiêu chuẩn ISO 22000 - Quản lý An toàn Thực phẩm (chẳng hạn như ISO 22005 Truy xuất nguồn gốc trong dây chuyền chế biến thực phẩm)
- ☐ Nông nghiệp sinh học năng động (ví dụ: Demeter)

- ☐ Không có mục nào nêu trên
- ☐ Khác, vui lòng ghi rõ

5.6 Nếu bạn dành một phần diện tích đất của mình cho canh tác hữu cơ được chứng nhận, hãy ghi rõ tỷ lệ phần trăm:

ĐỔI MỚI

6.1 Bạn có đầu tư vào việc phát triển và nâng cao chuyên môn kỹ thuật về:

- ☐ Quy trình bền vững
- ☐ Công nghệ bền vững
- ☐ Nghiên cứu và phát triển bền vững
- ☐ Không có mục nào nêu trên
- ☐ Khác, vui lòng ghi rõ

6.2 Bạn có đầu tư vào Nghiên cứu và phát triển (R&D) bền vững không (ví dụ: đối với các phương pháp mới như thủy canh, hệ thống thủy lợi, nông nghiệp chính xác, cũng như hợp tác với các trung tâm nghiên cứu, trường đại học và các công ty khởi nghiệp)?

- ☐ Có
- ☐ Không

6.3 Bạn có sử dụng các công nghệ tiên tiến (IoT, thiết bị bay không người lái, hình ảnh vệ tinh, v.v.) để thu thập dữ liệu giám sát sản xuất (ví dụ: điều kiện môi trường) không?

- ☐ Có
- ☐ Không

6.4 Bạn có sử dụng máy kéo và máy nông nghiệp cải tiến (ví dụ: máy nông nghiệp tự động, máy kéo điện, v.v.) trong hoạt động của mình không?

- ☐ Có
- ☐ Không

6.5 Bạn có sử dụng công nghệ tiên tiến để hỗ trợ truy xuất nguồn gốc sản phẩm không?

- ☐ Có
- ☐ Không

6.6 Bạn có sử dụng các ứng dụng và công nghệ hỗ trợ phân tích dữ liệu (ví dụ: phân tích dữ liệu tiêu thụ năng lượng và nguyên liệu) và chẩn đoán (ví dụ: giám sát các chức năng của máy móc) không?

- ☐ Có

☐ Không

MỐI QUAN HỆ VỚI CHUỖI CUNG ỨNG

7.1 Bạn có tuân thủ:

- ☐ Liên minh
- ☐ Hiệp hội nhà sản xuất
- ☐ Doanh nghiệp hợp tác và liên kết
- ☐ Không có mục nào nêu trên
- ☐ Khác, vui lòng ghi rõ

7.2 Bạn có tiến hành đánh giá các tác động xã hội và môi trường từ chuỗi hậu cần của mình không?

- ☐ Có
- ☐ Không

7.3 Trong việc tối ưu hóa sản xuất theo nhu cầu, bạn có công cụ nào để quản lý chuỗi cung ứng không?

- ☐ Có
- ☐ Không

7.4 Bạn có triển khai các quy trình hợp tác trong chuỗi cung ứng để khuyến khích tái sử dụng các nguồn lực và giảm thiểu chất thải không?

- ☐ Có, thông qua việc mua bán phân bón tự nhiên và chất cải tạo đất cho nông nghiệp
- ☐ Có, thông qua việc sử dụng chung máy móc
- ☐ Có, thông qua các thỏa thuận về sử dụng hiệu quả vật liệu phế thải để hạn chế chất thải
- ☐ Có, thông qua việc khai thác sinh khối để sản xuất năng lượng
- ☐ Không có mục nào nêu trên
- ☐ Khác, vui lòng ghi rõ

BẢO VỆ ĐẤT VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC

8.1 Trang trại của bạn có thực hiện các biện pháp quản lý đất để duy trì độ phì nhiêu của đất không?

- ☐ Có, nông trại thực hiện canh tác bảo tồn
- ☐ Có, nông trại thực hiện luân canh
- ☐ Có, nông trại thực hiện tưới tiêu điều độ (để tránh tưới thừa và mất đất)
- ☐ Có, nông trại lên kế hoạch xử lý kiểm soát cỏ dại
- ☐ Có, nông trại định kỳ tiến hành các cuộc kiểm tra theo dõi độ phì nhiêu của đất
- ☐ Không, nông trại không thực hiện các kỹ thuật đặc biệt để duy trì độ phì nhiêu của đất

☐ Khác, vui lòng ghi rõ

8.2 Các loại phân bón mà bạn sử dụng là phân:

- ☐ Tự sản xuất
- ☐ Mua
- ☐ Hữu cơ
- ☐ Hóa chất
- ☐ Không có mục nào nêu trên
- ☐ Khác, vui lòng ghi rõ

8.3 Bạn có sử dụng chủ yếu (hơn 50%) phân bón tự nhiên thay vì phân bón nhân tạo không?

- ☐ Có
- ☐ Không

8.4 Nông trại của bạn có thực hiện các phương pháp để bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ hệ sinh thái nông nghiệp không?

- ☐ Có, nông trại sử dụng các kỹ thuật thúc đẩy sự hiện diện trong tự nhiên và bảo tồn động thực vật
- ☐ Có, nông trại sử dụng hạt giống được chứng nhận có danh tính, độ thuần giống, khả năng nảy mầm và sức khỏe được đảm bảo
- ☐ Có, nông trại đã bắt đầu các hoạt động bình ổn giá và phục hồi các canh tác gia truyền
- ☐ Không, nông trại không thực hiện các phương pháp cụ thể để bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ hệ sinh thái nông nghiệp
- ☐ Khác, vui lòng ghi rõ

NƯỚC, CHẤT THẢI VÀ NĂNG LƯỢNG

9.1 Bạn có tạo ra chất thải nguy hại không? – GRI 306-2 / SDG 3, mục tiêu 3,9 - SDG 6, mục tiêu 6,3 - SDG 12, mục tiêu 12,4 và 12,5

- ☐ Có
- ☐ Không

9.2 Ghi rõ các nguồn khai nước chính. – GRI 303-3 / SDG 6, mục tiêu 6.4

- ☐ Nước sản xuất (ví dụ: nước được sản xuất trong chu trình sản xuất do khai thác, chế biến hoặc sử dụng nguyên liệu thô)
- ☐ Nước ngầm (ví dụ: tầng chứa nước, giếng, v.v.)
- ☐ Nước mặt (ví dụ: sông, hồ, ao, v.v.)
- ☐ Nước do bên thứ ba cung cấp (ví dụ: Các nhà điều hành dịch vụ nước và các nhà máy xử lý nước thải, v.v.)
- ☐ Không có mục nào nêu trên

☐ Khác, vui lòng ghi rõ

9.3 Bạn có thực hiện các biện pháp giảm tiêu thụ nước không?

- ☐ Có, chúng tôi xử lý và tái sử dụng nước thải trong quá trình sản xuất
- ☐ Có, chúng tôi sử dụng các công cụ để kiểm soát việc phân phối dựa trên nhu cầu nước
- ☐ Có, chúng tôi sử dụng hệ thống tưới tiêu cục bộ
- ☐ Có, chúng tôi theo dõi độ ẩm của đất
- ☐ Không, chúng tôi không thực hiện bất kỳ phương pháp nào ở trên
- ☐ Khác, vui lòng ghi rõ

9.4 Bạn có thực hiện các phương pháp để giảm phát thải khí nhà kính không?

- ☐ Có, chúng tôi thực hiện các biện pháp làm cỏ và không xới đất để duy trì CO₂ trong đất
- ☐ Có, chúng tôi áp dụng cơ khí chính xác trong giai đoạn gieo hạt và làm đất
- ☐ Có, chúng tôi bón phân bằng cách sử dụng chất phân hủy hữu cơ
- ☐ Không, chúng tôi không thực hiện các biện pháp cụ thể để giảm lượng khí thải
- ☐ Khác, vui lòng ghi rõ

9.5 Bạn có áp dụng các phương pháp để giảm thiểu và hạn chế phát thải amoniac vào khí quyển (chẳng hạn như do thải ra từ phân bón hóa học, phân bón hữu cơ, hoạt động đốt dư lượng nông nghiệp, v.v.) như:

- ☐ Thông số kỹ thuật rải phân bón
- ☐ Các biện pháp quản lý lưu trữ bùn
- ☐ Chiến lược cung cấp cho các nhà máy đốt dư lượng nông nghiệp
- ☐ Không có mục nào nêu trên
- ☐ Khác, vui lòng ghi rõ

9.6 Bạn có theo dõi lượng phân bón nitrat/photphat/kali được sử dụng không?

- ☐ Có
- ☐ Không

9.7 Bạn có áp dụng các phương pháp để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất không?

- ☐ Có, chúng tôi bảo vệ cây trồng khỏi các hiện tượng thời tiết cực đoan thông qua các biện pháp can thiệp vào cơ sở hạ tầng (ví dụ: nhà kính, bạt, v.v.)
- ☐ Có, chúng tôi trồng các sản phẩm phù hợp với điều kiện khí hậu và môi trường của khu vực (do đó giảm tiêu thụ nguồn lực)
- ☐ Có, chúng tôi sử dụng các hệ thống sáng tạo để đảm bảo năng suất và giảm tác động đến môi trường (ví dụ: thủy canh, canh tác chính xác, tưới tiêu nhỏ giọt, v.v.)
- ☐ Có, chúng tôi sử dụng các hệ thống phòng ngừa rủi ro thông qua việc sử dụng công nghệ (ví dụ: giám sát thời tiết và khí hậu được hỗ trợ bởi vệ tinh)
- ☐ Không, chúng tôi không xem xét tác động của biến đổi khí hậu đến các hoạt động của chúng tôi

Khác, vui lòng ghi rõ

Quan Trọng

CRIF sử dụng các tiêu chuẩn của GRI theo giấy phép được GRI cấp. Với tư cách là Bên cấp phép bản quyền trong Tiêu chuẩn GRI, GRI đã kiểm tra tính chính xác của Tiêu chuẩn GRI trong Synesgy. Việc xác minh này chỉ giới hạn ở việc đảm bảo sử dụng nội dung chính xác theo đúng Tiêu chuẩn GRI. Do đó, GRI không đưa ra bất kỳ tuyên bố hay bảo đảm ngụ ý hay thực tế nào về tính chính xác, tuân thủ, độ tin cậy, tính phù hợp với mục đích hoặc chất lượng của Synesgy hoặc bất kỳ sản phẩm nào phát sinh từ đó, hoặc về việc Người được cấp phép sử dụng Tiêu chuẩn của GRI, và từ chối rõ ràng bất kỳ tuyên bố ngụ ý hoặc cụ thể nào rằng GRI đã phê duyệt mọi báo cáo được tạo bằng cách sử dụng Synesgy.

Để biết phiên bản mới nhất của Tiêu chuẩn GRI, bao gồm Tiêu chuẩn dùng chung đã sửa đổi, Tiêu chuẩn theo chủ đề đã điều chỉnh, Tiêu chuẩn nhóm ngành, các đề xuất và phần hướng dẫn, cũng như Bảng thuật ngữ của Tiêu chuẩn GRI, vui lòng truy cập trung tâm Tài nguyên GRI: <https://www.globalreporting.org/how-to-use-the-gri-standards/resource-center>.

